TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 901/2019/HN-PT
Ngày: 16/10//2019
V/v " Tranh chấp về thay đổi người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
Với thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Hoàng Thị Bích Duyên

Các Thẩm phán: Bà Trần Thị Lệ Uyên

Ông Nguyễn Văn Tuấn

Thư ký Toà án ghi biên bản phiên toà: Ông Bùi Viết Nhiên - Cán bộ Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Đỗ Văn Hiếu – Kiểm sát viên.

Trong các ngày 10/10/2019, ngày 15/10/2019 và tuyên án ngày 16/10/2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 68/2019/TLPT-HNGĐ ngày 03/6/2019 về việc "Tranh chấp về thay đổi người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn";

Do bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số 296/2019/HNGĐ-ST ngày 25/4/2019 của Tòa án nhân dân Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 4118/2019/QĐ-PT ngày 09/9/2019 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông N T D, sinh năm: 1976

Địa chỉ: 849, tổ 32, khu phố 7, phường G, thành phố T, tỉnh Bình Dương

Người đại diện theo ủy quyền: Ông N Q B, sinh năm: 1981

Địa chỉ: 24/8 đường Trần Quang Khải, Phường T, Quận M, Thành phố Hồ Chí Minh

2. Bị đơn: Bà N T T, sinh năm: 1989

Địa chỉ: số 80A đường Bà Hom, Phường M, Quận N, Thành phố Hồ Chí Minh. (*có mặt*)

Người kháng cáo: Bà N T T là bị đơn. (*có mặt*)

NHẬN THẤY

Tóm tắt nội dung và quyết định của bản án sơ thẩm:

Tại đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản hòa giải và phiên tòa sơ thẩm nguyên đơn Ông N T D trình bày:

Ngày 21/10/2013, Tòa án nhân thành phố T, tỉnh Bình Dương tuyên bản án số 54/2013/HNGĐ-ST với quyết định cho ông D và bà N T T ly hôn, giao con chung giữa ông D và bà T tên N (sinh ngày 16/10/2012) cho bà T trực tiếp nuôi con, ông D có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con 1.000.000đồng/tháng. Sau khi án có hiệu lực, ông D đã thực hiện đầy đủ nghĩa vụ của mình. Tuy nhiên, khi ông D thực hiện quyền thăm con thì bà T và gia đình bà T đã có những hành vi cản trở việc thăm con của ông Duy:

- Lần thứ nhất, vào Tết năm 2015, ông D có đề nghị bà T cho trẻ G H về thăm nội, bà T có đồng ý nhưng sau tết, khi ông D đưa trả trẻ G H về nhà cho bà T thì ông D gặp ba bà T (ông N Q V), ông V có nói tại sao ông D đưa trẻ G H đi đâu mà không nói cho vợ chồng ông V biết.

- Lần 2, khi ông D đến nhà bà T đón trẻ G H, ông D có gặp ông V, ông V có nói chuyện với ông D về việc chuyển hộ khẩu cho trẻ G H để xin học cho trẻ, khi ông D có nói gia đình bà T tìm hiểu về Luật cư trú thì giữa ông D và ông V có lời qua tiếng lại và ông V đuổi ông D về, không cho ông D đón trẻ G H.

- Lần 3, khi ông D đến đón trẻ G H thì bà ngoại trẻ (bà V T T) và dì P của trẻ (bà N T P) không cho ông D đón trẻ nên giữa các bên xảy ra tranh cãi và ngày đó ông D cũng không được đón trẻ G H.

- Sáng ngày 01/7/2018, khi ông D đến nhà bà T đón trẻ G H thì ông V kiếm chuyện chửi bới ông D, bà T và gia đình bà T không cho ông D đón trẻ G H về.

- Còn nhiều lần khác nữa mà gia đình bà T không cho ông D đón trẻ G H.

- Về cách thức thăm, đón trẻ G H về Bình Dương của ông D và đưa trẻ về lại cho bà T và gia đình bà T: khi trẻ G H chưa học mầm non, ông D đến nhà bà T để thăm con. Khi trẻ G H đến tuổi học trường mầm non, do nhiều lần khi bị bà T và gia đình bà T xúc phạm và cản trở việc thăm đón con của ông D tại nhà, bằng nhiều cách thức khác nhau, ông D đã tìm ra trường mầm non để xin được thăm và đón trẻ G H tại trường. Khi trẻ G H lên lớp 1, ông D không còn đón trẻ G H tại trường mà mỗi tuần ông D đến trước hẻm nhà của bà T để đón trẻ G H. Trước khi đến hẻm nhà bà T đón trẻ, ông điện thoại trực tiếp cho bà T trước 01

ngày. Ngày sinh nhật trẻ G H năm 2018, ông D có tặng cho trẻ 01 chiếc đồng hồ có chức năng như chiếc điện thoại và định vị, có sự gắn kết với điện thoại của ông D, kể từ khi mua điện thoại cho trẻ thì ông D thường điện thoại trực tiếp cho trẻ nói về ngày ông D đón trẻ. Ông D thường báo trước cho trẻ vài ngày. Trường hợp ông D không điện thoại được cho trẻ thì ông D sẽ điện thoại báo trực tiếp cho bà T. Đến ngày đón trẻ G H, ông D sẽ đến trước hẻm, điện thoại cho trẻ báo ông D đã đến và thường nhận trẻ trước cửa của cửa hàng nơi ông V bà T bán hàng (80A đường Ba Hom, Phường N, Quận M) vì bà T khi thay đổi chỗ ở ông D không biết. Mỗi khi ông D đưa trẻ trở lại cho bà T thì thường báo cho bà T biết vì ông D mong muốn bà T trực tiếp nhận con về nhà, muốn con hiểu ba mẹ luôn quan tâm trẻ nhưng thường người đón trẻ lại từ ông D là gia đình bà T, chỉ đôi ba lần là bà T nhận trẻ từ ông D.

Việc bà T thay đổi trường học của bé và thay đổi nơi sinh sống đều không thông báo cho ông D biết.

Từ khi Tòa án giao cho bà T trực tiếp nuôi dưỡng trẻ G H thì theo lời kể của trẻ với ông, buổi sáng bà T là người đưa trẻ đi học, người đón bé H về và chăm bé là gia đình bà T. Lý do bà T không đón con và không trực tiếp chăm con thì ông D không rõ.

Việc bà T và gia đình bà T cản trở ông D thăm con, ông D đã trình báo tại Công an Phường B Quận M và được hướng dẫn ông D đến Công an Phường M Quận V nơi bà T và gia đình bà T cư trú để trình báo. Tuy nhiên, tại đây, Công an Phường B Quận M tại hướng dẫn ông D đến UBND Phường B Quận M vì vấn đề ông D trình báo không thuộc chức năng của Công an. Khi ông D đến UBND Phường V Quận M, cụ thể, ông D báo tại Hội phụ nữ Phường N thì được thông báo là Hội phụ nữ chỉ có chức năng hòa giải, nếu tranh chấp thì lên Tòa án nhưng họ có nói sẽ điện thoại cho bà T và gia đình bà T nhắc nhở việc cản trở quyền thăm con của ông D.

Nay ông D yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn, ông yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cháu G H do bà T và gia đình bà T gây khó khăn, cản trở trong việc ông tới lui chăm sóc con chung.

Về khả năng nuôi con: Hiện nay ông D là Giám đốc của Công ty H G H, kinh doanh thiết bị vệ sinh. Ông D độc thân, chưa lập gia đình mới, nên có khả năng chăm sóc trẻ G H tốt.

Về cấp dưỡng nuôi con: ông D có thực hiện trách nhiệm cấp dưỡng, số tiền cấp dưỡng luôn bằng hoặc hơn số tiền ghi tại bản án của Tòa án. Việc cấp dưỡng, thời gian đầu ông D thực hiện bằng cách đưa trực tiếp, sau chuyển

khoản. Sau đó khi bà T nói với ông D là bà T không yêu cầu cấp dưỡng thì ông D gửi tiền tại Chi cục Thi hành án thành phố M và Chi cục Thi hành án thành phố M có báo bà T lên nhận tiền, nếu không nhận sẽ sung công quỹ.

* Bị đơn bà N T T trình bày:

Bà T xác nhận lời trình bày của ông D về việc bà và ông D đã ly hôn theo Bản án số 54/2013/HNGĐ-ST ngày 21/10/2013 của Tòa án nhân thành phố M tỉnh Bình Dương, tại bản án trên đã giao cho bà T là người trực tiếp nuôi dưỡng, nay ông D yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn bà không đồng ý.

Theo bà T, hiện nay trẻ G H đang sống với gia đình bà được chăm sóc, nuôi dưỡng điều kiện tốt, cháu phát triển bình thường. Việc cá nhân và gia đình bà mâu thuẫn với ông Duy trong việc đưa đón trẻ là vì giữa bà và ông D không có tiếng nói chung.

Từ khi ông D tranh chấp việc nuôi con thì mâu thuẫn giữa bà và ông D ngày căng thẳng hơn và bà không đồng ý với yêu cầu của ông D. Do không đồng ý yêu cầu của bà T nên ông không có ý kiến về việc cấp dưỡng nuôi con.

Bản án sơ thẩm số 296/2019/HNGĐ-ST ngày 25/4/2019 của Tòa án nhân dân Quận M, Thành phố Hồ Chí Minh đã tuyên xử:

Căn cứ khoản 3 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 207, khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 3, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ Điều 26 Luật Thi hành án dân sự;

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về thay đổi người trực tiếp nuôi con sau ly hôn

1. Giao trẻ N H G H (sinh ngày 16/10/2012) cho ông N T D trực tiếp nuôi dưỡng, ghi nhận việc ông D không yêu cầu bà N T T cấp dưỡng nuôi con

Vì lợi ích của con, khi cần thiết các bên có quyền yêu cầu thay đổi quyền nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con. Người không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom con mà không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm non để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm con của người đó.

Ngoài ra án sơ thẩm còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo của đương sự.

Ngày 02/5/2019, bà N T T có đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm số 296/2019/HNGĐ-ST ngày 25/4/2019 của Tòa án nhân dân Quận M, Thành phố Hồ Chí Minh. Yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân Quận M theo hướng không chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, không thay đổi người trực tiếp nuôi con vẫn giao trẻ G H cho bà T nuôi dưỡng.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông N Q B yêu cầu giữ nguyên án sơ thẩm của Tòa án nhân dân Quận M về việc giao ông D trực tiếp trẻ G H vì lợi ích của trẻ, khi cần thiết các bên có quyền yêu cầu thay đổi quyền nuôi con khi bị cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung theo luật định.

Bản thân ông D là Giám đốc Công ty thiết bị vệ sinh và tư vấn thiết kế xây dựng, có nhân viên hỗ trợ nên không nhất thiết phải xuống công trình như bà T trình bày.

Bị đơn bà N T T vẫn giữ yêu cầu kháng cáo, không đồng ý với nội dung án sơ thẩm của Tòa án nhân dân Quận M, Thành phố Hồ Chí Minh giao cho ông DD trực tiếp nuôi con chung là trẻ G H. Bà có nguyện vọng được tiếp tục nuôi dưỡng trẻ như bản án trước đây giải quyết tranh chấp ly hôn giữa bà và ông Duy của Tòa án nhân dân Thành phố M tỉnh Bình Dương.

Bà T cho rằng trẻ G H là con gái, ông D là cha thì việc chăm sóc sẽ không thuận tiện như bà, mặc khác ông D làm nghề xây dựng phải thường xuyên xuống công trình thì con gái bà không ai chăm sóc nên không yên tâm giao trẻ G H cho ông D.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến như sau:

Về hình thức: Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã chấp hành đúng quy định của tố tụng dân sự về thụ lý vụ án, thời hạn chuẩn bị xét xử, thời hạn chuyển hồ sơ cho Viện Kiểm sát nghiên cứu và thủ tục tại phiên tòa.

Về nội dung: Tại thời điểm ông D nộp đơn khởi kiện đến khi Tòa án nhân dân Quận M xét xử sơ thẩm vụ án cho đến nay, ông D và bà T đều có công việc, chỗ ở ổn định, có đầy đủ năng lực để chăm sóc, giáo dục trẻ G H. Ông D và bà T đều yêu thương và mong muốn trẻ G H có môi trường sống, học tập tốt; ông D và bà T không ai bị hạn chế về quyền đối với trẻ G H; Tuy nhiên, Tòa sơ thẩm cho rằng gia đình bà T đã nhiều lần ngăn cản việc ông D tới lui chăm sóc con chung nên xin thay đổi người trực tiếp nuôi con là chưa phù hợp với pháp luật, phía gia đình bà T có vi phạm quyền nuôi con của ông D chứ bà T không có vi

phạm hay hạn chế quyền nuôi con của ông D, việc tranh chấp nuôi con bắt nguồn từ mâu thuẫn giữa hai bên nên cần có sự thỏa thuận việc này, ông D không chứng minh được bà T không đủ điều kiện nuôi con, nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của bị đơn, sửa bản án sơ thẩm theo hướng giao trẻ G H cho bà T trực tiếp nuôi dưỡng.

XÉT THẤY

Sau khi nghiên cứu tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra công khai tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận định:

Về hình thức: Đơn kháng cáo của bà N T T làm trong thời hạn luật định, phù hợp với quy định tại Điều 272; Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; đương sự có kháng cáo đã nộp tiền tạm ứng án phí phúc thẩm theo quy định nên được chấp nhận xem xét theo trình tự phúc thẩm.

Về nội dung: Xét kháng cáo của bà N T T, Hội đồng xét xử nhận thấy:

Lời trình bày của bà T thừa nhận có những lúc bà và gia đình chưa thật sự tạo điều kiện cho ông D tới lui chăm sóc trẻ G H, tuy nhiên những lần đó trẻ H bị sốt nên gia đình bà đã nóng ruột nên không ông D đón trẻ. Từ khi ông D tranh chấp đòi trực tiếp nuôi dưỡng con thì mâu thuẫn giữa bà và ông D ngày càng trầm trọng hơn. Theo bà trẻ G H hiện đang được chăm sóc, nuôi dưỡng trong điều kiện tốt, phát triển bình thường nên bà không đồng ý việc giao trẻ H cho ông D nuôi dưỡng và thực hiện việc cấp dưỡng nuôi con.

Hội đồng xét xử xét nhận thấy ông D và bà T tranh chấp được nuôi con là xuất phát từ tình thương yêu và trách nhiệm đối với con. Tuy nhiên việc giao con chưa thành niên cho ai trông nom nuôi dưỡng phải căn cứ vào quyền lợi về mọi mặt của con. Hiện tại, trẻ G H đang sống với mẹ là bà T tuy nhiên ông D cho rằng phía gia đình bà T đã gây khó khăn, cản trở cho ông trong việc thăm nom, chăm sóc con chung là đã vi phạm khoản 2, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình, mặt khác theo chứng cứ ông D cung cấp cho Hội đồng xét xử trong buổi nói chuyện gần đây nhất giữa ông D và trẻ H có nội dung là bà T không thường xuyên đưa đón trẻ đi học mà giao cho gia đình và một người đàn ông lạ nào đó đưa đón vì công việc của bà T thường xuyên đi làm về rất muộn và trẻ H thường phải chơi một mình hoặc với cậu út của trẻ, ông ngoại của trẻ có nhân thân không tốt nên lo ngại sẽ ảnh hưởng đến việc dạy dỗ, chăm sóc trẻ. Như vậy bản thân bà T cũng không có nhiều thời gian để trực tiếp chăm sóc trẻ G H.

Xét về điều kiện chỗ ở thì bà T đang ở chung với gia đình về thời gian làm việc không có nhiều chủ động trong việc sắp xếp thời gian đưa đón trẻ; Đối với

ông D có nhà riêng, thu nhập ổn định, chủ động về thời gian vì ông D hiện làm Giám đốc công ty do ông thành lập. Ngoài ra, tại khoản 1 Điều 71 Luật Hôn nhân và gia đình qui định: "... Cha mẹ có nghĩa vụ và quyền ngang nhau, cùng nhau chăm sóc, nuôi dưỡng con chưa thành niên ..." không phân biệt trẻ trai hay gái nên ý kiến của bà T cho rằng ông D nuôi trẻ gái không tốt là không có cơ sở.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bà T xuất trình các tài liệu chụp từ màn hình điện thoại trên mạng xã hội để chứng minh ông D đang bị tố cáo về hành vi lừa đảo, tuy nhiên người đại diện theo ủy quyền của ông D đã xuất trình tài liệu chứng minh hiện ông D đã trình báo và nộp đơn khiếu nại đến cơ quan cảnh sát điều tra công an tỉnh Bình Dương về hành vi vu khống và uy hiếp ông D trên mạng xã hội với nick Hậu Mỹ (ông D đã xác minh được người sử dụng nick này tên đầy đủ là N T M H, sinh năm: 1980; Hộ khẩu thường trú: C, B, N), hiện vụ án trên đang được Viện kiểm sát nhân dân N thụ lý giải quyết theo thẩm quyền. Đồng thời, phía ông D cũng cung cấp cho Tòa án những tin nhắn qua lại giữa bà T, ông D và trẻ G H cho thấy giữa ông D và bà T mâu thuẫn trầm trọng không có sự tôn trọng lẫn nhau trong giao tiếp, việc xưng hô "mày-tao" không chỉ có ở một phía là ông D mà có cả bà T, mặc khác trong các tin nhắn còn thể hiện việc bà T ngăn cản, thách thức ông D trong việc đón trẻ G H, trẻ G H cũng tỏ thái độ sợ hãi khi bà T thường xuyên mắng chửi ông D trong những lần trẻ được ông D đón về nhà v.v..

Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm đã chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông D giao con chung cho ông D trực tiếp nuôi dưỡng là có căn cứ. Trong trường hợp cần thiết vì quyền lợi của trẻ, bà T có quyền xin thay đổi người trực tiếp nuôi con theo qui định của pháp luật.

Về án phí phúc thẩm: Do giữ nguyên bản án sơ thẩm nên đương sự kháng cáo phải chịu án phí phúc thẩm.

Vì các lẽ trên;

Căn cứ Khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

QUYẾT ĐỊNH:

- Áp dụng các Điều 58, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 ;

- Áp dụng Điều 27, 30 Pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án;

- Áp dụng Luật Thi hành án Dân sự năm 2008.

Tuyên xử: Không chấp nhận kháng cáo của bà N T T, giữ nguyên bản án sơ thẩm;

Ông N T D được trực tiếp nuôi dưỡng trẻ N H G H, sinh ngày 16/10/2012.

Ông D không được quyền cản trở việc đến thăm nom, chăm sóc và giáo dục con của bà T; Bà T không được quyền lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, giáo dục con. Vì quyền lợi của trẻ, việc nuôi con, cấp dưỡng nuôi con có thể được yêu cầu thay đổi.

Về án phí:

Án phí dân sự phúc thẩm: 300.000đồng (Ba trăm nghìn đồng) bà N T T phải chịu, nhưng được cấn trừ tiền tạm ứng án phí 300.000đồng(Ba trăm nghìn đồng) bà T đã nộp tại biên lai thu số AA/2018/0011119 ngày 02/5/2019 của Chi cục thi hành án dân sự Quận M. Bà T đã nộp đủ án phí dân sự phúc thẩm.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Tòa án nhân dân cấp cao tại TPHCM;
- Viện Kiểm sát nhân dân TPHCM;
- Toà án nhân dân Quận M;
- Chi cục Thi hành án dân sự Quận M;
- Viện kiểm sát nhân dân Quận M TPHCM;
- Đương sự;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Hoàng Thị Bích Duyên